

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Từ ngày 11/11/2024

STT	Họ và tên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn		Số tiết
1	Nguyễn Văn Đông	HT			GDĐP(8AB) ₂ CN(9B) ₁	3
2	Nguyễn Hương Giang	PHT		LS(6AB) ₄ + GDĐP(6A) ₁		5
3	Nguyễn Thị Liễu	TPT ₁₀		Mĩ thuật (6AB,7ABC,8AB, 9AB) ₉	GDĐP(7A) ₁	20
4	Phạm Thị Bích Liên	TT ₃		Văn (8AB,7C) ₁₂ ; LS(9AB) ₂	GDĐP (6AB) ₂	19
5	Đào Thị Nho		6A ₄	Văn(6A; 9AB) ₁₂ ; GDĐP (9AB,8A,B) ₄		20
6	Hứa Thị Thơm			Văn(6B,7AB) ₁₂ ; LS(7AB) ₂ ; LS(8AB) ₄	GDĐP(7C) ₁	19
7	Dương Thị Hằng		6B ₄	Địa(9AB) ₄ +Địa(8AB) ₂ +Địa (7ABC) ₆ +Địa(6AB) ₂ + LS(7C) ₁	GDĐP (7B) ₁	20
8	Lưu Thị Quỳnh Mai	TP ₁	8B ₄	Anh(9AB) ₆ +Anh(8AB) ₆	TNHN(8B) ₃	20
9	Nguyễn Thị Như Nguyệt		7A ₄	Anh(7ABC) ₉ +Anh(6AB) ₆ + CN(7A) ₁		20
10	Nguyễn Thị Hường			Nhạc (6AB,7ABC,8AB, 9AB) ₉ + GDĐP (7ABC) ₃ GDĐP(6B) ₁	TNHN(7B) ₃ + TNHN(7A) ₃	19
11	Tạ Thị Thúy	TT ₃	7C ₄	KHTN (7ABC) ₁₂ + CN(9A) ₁		20
12	Nguyễn Quế Chi	PCTCĐ ₃	9A ₄	KHTNHóa(9AB) ₂ + KHTN Hóa(8AB) ₄ +KHTN(6A) ₄	TNHN(9A) ₃	20
13	Nguyễn Thị Thu Huyền	UVCD ₁	8A ₄	KHTN(6B) ₄ + KHTN Sinh(8AB) ₂ +KHTNSinh (9AB) ₂ +CN(7B,C) ₂	TNHN(8A) ₃ + GDĐP (9A,B) ₂	20
14	Dương Thị Hương Giang	TP ₁	9B ₄	Toán (9AB;8B) ₁₂	TNHN(9B) ₃	20
15	Nguyễn Tuấn Anh	TTND ₂		Toán (6AB, 8A) ₁₂ + KHTNLí(9AB) ₄ + KHTNLí(8AB) ₂		20
16	Nguyễn Thị Dung	TKHĐ ₂	7B ₄	Toán (7ABC) ₁₂ + CN(8AB) ₂		20
17	Lâm Thị Mây			Thể dục(6AB,7ABC,8AB,9AB) ₁₈ +CN(6A) ₁		19
18	Đông Xuân Quang			Tin(6AB,7ABC,8AB,9AB) ₉ + CN(6B) ₁	TNHN(6AB) ₆ TNHN(7C) ₃	19